Android:

Java: Xử lý back-end

Adapter: lớp trung gian chuyển đổi dữ liệu từ object sang các item recycle view (là 1 component có sẵn của android)

GroupRecyclerViewAdapter: Màn hình nhóm

HabitRecyclerViewAdapter: Màn hình main

RemindRecyclerViewAdapter: Màn hình reminder

TrackingCalendarAdapter: Màn hình calendar

TrackingCalendarItem: Phục vụ cho thằng adapter ở trên

API: Giao tiếp với api server

Model (Mỗi một model là một đối tượng để post/get lên server)

Date:

Monitordate: Những ngày nào trong tuần để theo dõi

Group

Group: tạo nhóm mới đẩy lên server

GroupRespone: danh sách nhóm lấy từ server

Habit

Habit: post

HabitResponse: get

Reminder

Reminder: post

ReminderResponse: get

Tracking

Tracking: post

TrackingResponse: get

TrackingResult: thành công hay thất bại (cho nó chuẩn)

User

User: nt

UserResponse: nt

TrackingResult: nt

Remote: lớp tạo ra client (khi muốn post/get phải có lớp client (do thư viện quy định) để giao tiếp với server)

RetrofitClient: nt

Service: interface quy định những phương thức post/get

VnHabitApiUtils: lưu thông tin cấu hình để kết nối với server

Gồm: url của api server

Common: những thành phần trợ chung dùng lại nhiều lần

Chart: hỗ trợ vẽ biểu đồ

ChartHelper:

Set dữ liệu cho chart

Hiện dữ liệu

DayAxisValueFormatter:

Hỗ trợ trục hoành

MyAxisValueFormatter:

Hỗ trợ trục tung

XYMarkerView:

Thông tin cột khi click vào

Receiver: Hỗ trợ cho reminder

ReminderReceiver: Hỗ trợ pop-up thông tin notification

Util: trợ giúp chung

AppGenerator:

lấy ngày hiện tại

ngày hôm qua

liên quan đến lấy ngày tháng

lấy khoảng cách giữa 2 ngày

MysharePreference

Để lưu dữ liệu phụ:

Đã login chưa

Setting

ReminderManager:

Tạo reminder

RepeatType:

Enum: quy định chỉ có 4 loại

Schedule:

Hỗ trợ set ngày nào trong tuần của habit

Validator:

Validate

ValidatorType:

Phục vụ cho Validator (Quy định một số loại validate)

Repository: giao tiếp với database local (SQLite)

Mỗi bảng có 1 Packet riêng

Group: (tạo theo chuẩn chung của StackOverflow)

GroupDao: Liệt kê phương thức sẽ hiện thực

GroupDaoImpl: Hiện thực GroupDao

GroupEntity: Object sẽ lưu/lấy từ db

GroupSchema: quy định cấu trúc của bảng

Habit:

HabitDao: nt

HabitDaoImpl: nt

HabitEntity: nt

HabitNotification: phục vụ cho DaoIml

HabitSchema:

HabitTracking

Database: tạo nguyên db trong SQLite dựa vào các class Schema

MyDatabaseHelper: chứa những phương thức chung thao tác với db

EmptyActivity:

màn hình chưa hiện thực

FilterMainActivity: Cho người dùng chọn thuộc tính để lọc habit

Màn mình Filter

GroupActivity: màn hình hiển thị nhóm habit

GuideActivity: màn hình hướng dẫn ban đầu

HabitActivity: màn hình thêm/xóa/sửa habit

MainActivity: màn hình chính

RegisterActivity: màn hình đăng ký user

ReminderCreateActivity: tạo reminder của habit

ReportActivity: thống kê chung

ReportDetailsActivity: thống kê chi tiết

CalendarDetailActivity: màn hình calendar detail

Res: